TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số:06/2021/DS-PT Ngày 18 - 01 - 2021 V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Thành Hữu.

2/. Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020. về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà C, sinh năm 1989.(Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà D, sinh năm 1946. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt)

4- Người kháng cáo: Bà D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***- Nguyên đơn bà A có người đại diện theo ủy quyền là bà C đại trình bày**:*

Nguyên vào ngày 20/09/2017 bà A có cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, việc cho vay không có giấy nhận nợ, hình thức trả là mỗi ngày trả 250.000 đồng, thỏa thuận bà D trả đúng 09 tháng tức là 270 ngày là hết nợ nhưng từ khi vay đến nay bà D chỉ trả lãi cho bà A tổng cộng được 17.500.000 đồng, bà A nhiều lần đến gặp và yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D không trả nên bà A khởi kiện ra Tòa.

Bà A yêu cầu bà D có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vốn là 50.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 20/9/2017 đến ngày khởi kiện ngày 24/12/2019 tính tròn 24 tháng là 22.400.000 đồng, trừ 17.500.000 đồng đã trả, yêu cầu bà D tiếp tục trả tiền lãi còn lại là 4.900.000 đồng. Tổng vốn lãi là 54.900.000 đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính thêm lãi đến ngày xét xử.

- Bị đơn bà D trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ trước tới nay bà chỉ có vay của bà A một lần số tiền 50.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A, vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử xong, còn khoản vay hiện nay bà A kiện là bà không có vay, số tiền bà A cho rằng bà đã góp được 17.500.000 đồng đó là bà góp trả cho khoản vay thế chấp quyền sử dụng đất, sổ góp trả tiền bà đã nộp cho Tòa án trong vụ án trước, chữ viết ghi trong sổ góp trả là của bà A viết mỗi khi bà góp trả tiền, bà không có vay thêm khoản vay nào khác nên không đồng ý trả.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020, đã quyết định:

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà A số tiền 53.828.900 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, lãi suất chậm Thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 09-10-2020, bị đơn bà D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo hướng khấu trừ số tiền 44.500.000 đồng mà bà D đã trả vào số tiền bà D thiếu bà A trong vụ án này và yêu cầu giám định chữ ký của bà D tại các giấy nợ giao dịch với bà A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt xem như giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà D rút một phần kháng cáo đối với phần yêu cầu giám định và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo khác. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà D áp dụng khoản 2 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/ DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà D là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng, vào ngày 20/09/2017 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng, việc cho vay không có giấy tờ, hình thức trả góp mỗi ngày trả 250.000 đồng, thời gian góp là 09 tháng 10 ngày (280 ngày), nhưng từ khi vay đến nay bị đơn chỉ trả lãi cho nguyên đơn tổng cộng 17.500.000 đồng, sau đó thì không góp nửa. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 20/9/2017 đến ngày khởi kiện ngày 24/12/2019 tính tròn 24 tháng là 22.400.000 đồng, trừ 17.500.000 đồng đã góp, tiền lãi còn lại là 4.900.000 đồng, tổng vốn và lãi là 54.900.000 đồng.

[2.2] Ngược lại bị đơn cho rằng, từ trước tới nay bị đơn chỉ có vay duy nhất của nguyên đơn 01 lần với số tiền 50.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện T xét xử xong, còn khoản vay này bị đơn không có vay, còn số tiền 17.500.000 đồng đó là số tiền bị đơn góp trả cho khoản vay trước đây, sổ góp trả tiền bị đơn đã nộp cho Tòa án trong vụ án trước, do đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu khấu trừ số tiền 44.500.000 đồng mà bị đơn đã trả tại vụ án trước đây vào số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn trong vụ án này, nhận thấy,

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền

50.000.000 đồng, mặc dù không có làm biên nhận tiền nhưng nguyên đơn có giao cho bị đơn cuốn sổ góp tiền và bị đơn có cung cấp cho Tòa án cuốn sổ góp tiền này, ghi ngày vay là 20/9/2017, số tiền vay 50.000.000 đồng góp 09 tháng 10 ngày, bị đơn giữ sổ và mỗi khi góp trả tiền thì nguyên đơn tự ghi vào sổ, số tiền bị đơn đã góp cho nguyên đơn số tiền lãi là 17.500.000 đồng, số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn sau khi trừ số 17.500.000 đồng là 54.900.000 đồng.

[3.2] Bị đơn cho rằng, số tiền vay 50.000.000 đồng là số tiền mà bị đơn đã vay của nguyên đơn và có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Tòa án xét xử xong theo bản án số 69/2019/DS-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Tuy nhiên, nội dung của bản án số 69 này thể hiện nội dung là bà D vay của bà Vân là ngày 02/12/2017 chứ không phải là ngày 20-9-2007, tại bản án này đã buộc bà D trả tổng cộng vốn lãi là 59.572.667 đồng, bà D không kháng cáo và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy số tiền 50.000.000 đồng mà bị đơn vay có thế chấp quyền sử dụng đất là số tiền vay trước đây đã được Tòa án xét xử rồi, vay vào ngày 02-12-2017, còn số tiền 50.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện tại vụ án này là số tiền bị đơn vay vào ngày 20-9-2017. Giữa hai khoảng vay này độc lập, hoàn toàn không liên quan với nhau.

[3.3] Tại sổ góp tiền thể hiện hai khoản vay là ngày 20-9-2017 bà D vay của bà A số tiền 50.000.000 đồng góp từ ngày 21-9-2017 và khoản vay ngày 02-12-2017 vay 50.000.000 đồng và góp từ ngày 02-12-2017 (sau khi nhận tiền thì góp), sự việc này phù hợp với sổ góp tiền do bị đơn cung cấp thể hiện từ ngày 21-9-2017 đến ngày 01-12-2017 thì bà D chỉ góp cho bà A số tiền 250.000 đồng, nhưng đến ngày 02-1202017 (tức là ngày bà D vay thêm số tiền 50.000.000 đồng) thì bà D góp lên đến 500.000 đồng mỗi ngày, cho đến ngày 04-01-2018 thì bà D không còn góp nửa. Đồng thời, phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với bà A, tại biên bản ghi lời khai bà A khai nội dung cuốn sổ góp tiền là bà A đưa cho bà D giữ, mỗi khi bà D lại góp tiền thì bà A sẽ ghi vào sổ này, các chữ số trong sổ góp tiền này là do bà A ghi, lý do trước ngày 02-12-2017 bà D chỉ góp cho bà A 250.000 đồng nhưng sau ngày 02-12-2017 thì bà D góp cho bà A số tiền 500.000 đồng ngày là do lúc này bà D đã vay thêm khoản tiền 50.000.000 đồng.

[3.4] Tại biên bản ghi lời khai này bà A còn trình bày, khi cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng lần đầu vào ngày 20-9-2017 thì bà D không có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà chỉ cầm "Giấy tờ cho đất ở" ngày 13-11-2017 của bà D thể hiện cho ông Trần Thanh Giang (con bà D) phần đất này do Giấy chứng nhận bà D đang làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông Giang, đến ngày 02-12-2017 khi bà A cho bà D vay thêm số tiền 50.000.000 đồng thì lần này bà D mới cầm bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A và hiện nay bà A vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Đồng thời, bà A cũng đã cung cấp cho Tòa án "Giấy tờ cho đất ở" ngày 13-11-2017.

[3.5] Mặc khác, bà A cũng thừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ số trong sổ góp tiền này là của bà A ghi, mỗi lần bà D lại góp tiền thì bà ghi vào, sổ này là do bà A đưa bà D giữ. Đều này phù hợp với nội dung vụ án trước đây thì chính bà D là người nộp sổ góp tiền cho Tòa án huyện T. Tuy nhiên, trong sổ góp tiền này thì ngoài số tiền góp cho khoản vay 50.000.000 đồng ngày 20-9-2017, thì còn có số tiền bà D góp cho khoản vay ngày 02-12-2017, nhưng khi xét xử vụ án trước đây đối với khoản vay ngày 02-12-2017 thì Tòa án huyện T không khấu trừ số tiền này vào số tiền bà D đã góp cho bà A. Tuy nhiên, để ổn định cho bản án sơ thẩm trước đây, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp

pháp của đương sự thì cần khấu trừ số tiền bà D đã góp đối với khoản vay ngày 02-12-2017 vào khoản vay ngày 20-9-2017, làm cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, tránh thiệt hại quyền lợi cho các đương sự và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.6] Theo sổ góp tiền thể hiện bà D góp cho bà A được 129 ngày, trong đó có 76 ngày bà D góp cho bà A số tiền 250.000 đồng và 53 ngày bà D góp cho bà A số tiền 500.000 đồng. Việc khấu trừ được tính như sau:

[3.6.1] Vốn vay 50.000.000 đồng, tính từ ngày 21-9-2017 âm lịch (ngày 08-11-2017 dương lịch) cho đến ngày 21-10-2017 âm lịch (ngày 08-12-2017) là 30 ngày:

- Số tiền đã góp trong 30 ngày (250.000 đồng x 30 ngày)= 7.500.000 đồng

- Lãi của số tiền: 50.000.000 đồng x 1,666% = 833.000 đồng.

- Vốn và lãi (50.000.000 đồng + 833.000đồng)= 50.833.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền bà D đã góp: 50.833.000 đồng – 7.500.000 đồng =43.333.000 đồng.

[3.6.2] Vốn 43.333.000 đồng, tính từ ngày 09-12-2017 dl đến ngày 07-01-2018 dl là 30 ngày:

- Số tiền đã góp trong 30 ngày x 250.000 đồng= 7.500.000 đồng

- Lãi của số tiền vốn: 43.333.000 đồng x 1,666% = 721.927 đồng.

- Vốn và lãi (43.333.000 đồng + 721.927 đồng)= 44.054.927 đồng.

Khấu trừ vào số tiền bà D đã góp: 44.054.927 đồng – 7.500.000 đồng =36.554.927 đồng.

[3.6.3] Vốn 36.554.927 đồng, tính từ ngày 08-01-2018 dl đến ngày 06-02-2018 dl là 30 ngày (trong đó có 20 ngày góp 500.000 đồng và 10 ngày góp 250.000 đồng):

- Số tiền góp [(500.000 đồng x 20 ngày) + (250.000 đồng x 10 ngày)]=12.500.000 đồng.

- Lãi của số tiền: 36.554.927 đồng x 1,666%= 609.005 đồng.

- Vốn và lãi (36.554.927 đồng + 609.005đồng)= 37.163.977 đồng.

Khấu trừ vào số tiền bà D đã góp: 37.163.977 đồng – 12.500.000 đồng =24.663.977 đồng.

[3.6.4] Vốn 24.663.977 đồng , tính từ ngày 07-2-2018 dl đến ngày 08-3-2018) là 30 ngày (góp 500.000đ):

- Số tiền góp: 30 ngày x 500.000 đồng=15.000.000 đồng.

- Lãi của số tiền vốn: 24.663.977 đồng x 1,666%= 410.901 đồng.

- Vốn và lãi (24.663.977 đồng + 410.901 đồng)= 25.074.878 đồng.

Khấu trừ vào số tiền bà D đã góp: 25.074.878đồng – 15.000.000 đồng =10.074.878 đồng.

[3.6.5] Vốn 10.074.878 đồng , tính từ ngày 09-3-2018 dl đến ngày 17/3/2018 dl có 09 ngày (trong đó góp 03 ngày 500.000 đ và 06 ngày 250.000 đ)

- Số tiền góp [(500.000 đồng x 03 ngày) + (250.000 đồng x 06 ngày)]= 3.000.000

đồng.

- Lãi suất số tiền vốn: 10.074.878 đồng x 1,666% x 9 ngày=50.354 đồng.

- Vốn và lãi là (10.074.878 đ + 50.354đ)= 10.125.232 đồng.

Khấu trừ số tiền góp: (10.125.232 đ – 3.000.000 đồng)= 7.125.532 đồng.

[3.6.6] Vốn 7.125.232 đồng, tính lãi từ ngày 18/3/2018dl đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23-9-2020 dl là 30 tháng 05ngày:

- Lãi: 7.125.232 đồng x 1,666% x 30 tháng 05 ngày =3.580.960đồng.

- Vốn và lãi (7.125.232 đ + 3.580.960đ)= 10.706.192đồng.

Như vậy, bà D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A tổng số tiền vốn và lãi, là 10.706.192 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do bản án bị cải sửa, nguyên đơn bà A phải chịu đối với số tiền không được chấp nhận và bị đơn bà D phải chịu án phí có giá gạch đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận, do các đương sự là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án được miễn án phí sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do án bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn bà D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà A số tiền vốn và lãi là 10.706.192 đồng (Mười triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bà D hoàn trả phần tiền vốn lãi chệch lệch là 44.193.808 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi ba ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà A và bị đơn bà D không phải chịu án phí.

4. Về án phí phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng